

Thứ tư, ngày 6 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên Bứt phá

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/5/2020		●	
Tuần 4/5-8/5/2020		●	
Tháng 5/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên thị trường đã giao dịch với tâm lý hưng phấn. Đà tăng điểm kéo dài và bứt phá mạnh vào giữa phiên chiều. 28/30 cổ phiếu của nhóm VN30 tăng trong phiên hôm nay với mức tăng mạnh nhất đến từ các mã VHM, VIC, GAS. Thanh khoản tăng mạnh, biên độ thị trường nở rộng cùng độ rộng thị trường tích cực báo hiệu tâm lý phân khởi của nhà đầu tư đã trở lại thị trường. Tuy nhiên, khối ngoại vẫn bán ròng mạnh ở cổ phiếu VHM với giá trị đạt mức 2,380 tỷ đồng. Xu hướng bứt phá này sẽ giúp thị trường kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 787 trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 06/05/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_3.3%

Phân tích kỹ thuật: CTI_ xu hướng tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+18.43 điểm**, đóng cửa 762.47. HNX-Index **+1.25 điểm**, đóng cửa 106.66.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+3.25); VIC (+2.22); GAS (+1.69); SAB (+1.15); VRE (+0.96).**
- Kéo chỉ số giảm: **HDB (-0.07); KBC (-0.03); THI (-0.03); PGI (-0.03); DTL (-0.02).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,438 tỷ đồng**, **+40%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 17.22 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 247 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 104 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2,389.34 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VHM (2,175 tỷ), STB (40.6 tỷ) và VRE (27.2 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-24.10 tỷ đồng**.

VN-INDEX **782.59**Giá trị: 3437.89 tỷ **18.43 (2.41%)**

Khối ngoại (ròng): -2380.34 tỷ

HNX-INDEX **106.66**Giá trị: 400.18 tỷ **1.25 (1.19%)**

Khối ngoại (ròng): -24.1 tỷ

UPCOM-INDEX **52.34**Giá trị: 231.14 tỷ **0.36 (0.69%)**

Khối ngoại (ròng): -33.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	25.3	3.14%
Giá vàng	1,703	-0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,413	-0.11%
Tỷ giá EUR/VND	25,398	-0.63%
Tỷ giá JPY/VND	22,023	0.17%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	3.97%
LS TPCP 5 năm	2.2%	-1.07%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HSG	9.3	VHM	-2175.2
VPB	6.6	STB	-40.6
DGW	5.5	VRE	-27.3
PLX	4.5	CTG	-26.9
MSN	4.3	ACV	-22.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_3.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	7/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Xây dựng	3.3%	1.0%	1.0%	25.5%	-13.9%	-13.9%	22.1%
Lãi suất giảm	3.0%	2.4%	2.4%	31.9%	-13.0%	-13.0%	19.1%
Hàng tiêu dùng	2.8%	1.2%	1.2%	35.4%	-12.7%	-12.7%	15.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	2.7%	2.3%	2.3%	18.2%	-17.0%	-17.0%	22.1%
FTSE Việt Nam	2.6%	3.0%	3.0%	16.3%	-16.9%	-16.9%	15.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	2.6%	1.7%	1.7%	21.7%	-16.1%	-16.1%	17.6%
Stay-at-home	2.5%	0.7%	0.7%	30.2%	-5.6%	-5.6%	22.1%
Corona Avengers	2.4%	0.8%	0.8%	34.4%	-11.5%	-11.5%	15.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.3%	1.0%	1.0%	25.2%	-20.1%	-20.1%	22.1%
Dầu khí	2.2%	2.8%	2.8%	31.7%	-28.8%	-28.8%	15.7%
Vật liệu Xây dựng	2.1%	1.5%	1.5%	31.3%	-11.1%	-11.1%	22.1%
Nước & Năng lượng	2.1%	0.4%	0.4%	21.9%	-13.6%	-13.6%	22.1%
VN Diamond	1.9%	1.0%	1.0%	22.4%	-19.4%	-19.4%	22.1%
Chiến tranh thương mại	1.7%	1.9%	1.9%	33.3%	-15.6%	-15.6%	17.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.6%	0.4%	0.4%	21.8%	-19.0%	-19.0%	17.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.6%	1.9%	1.9%	25.1%	-2.7%	-2.7%	15.7%
Ngân Hàng	1.6%	0.8%	0.8%	15.9%	-16.7%	-16.7%	22.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.4%	1.1%	1.1%	18.5%	-21.8%	-21.8%	22.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.2%	0.2%	0.2%	25.3%	-15.1%	-15.1%	22.7%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.2%	1.2%	1.2%	18.3%	-18.0%	-18.0%	22.7%
VN FinSelect	1.2%	1.1%	1.1%	16.4%	-18.6%	-18.6%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.2%	1.0%	1.0%	17.3%	-18.8%	-18.8%	17.6%
Cổ phiếu ngành Dược	0.4%	-0.3%	-0.3%	15.3%	-7.7%	-7.7%	17.6%
Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M22	2.7%	1.9%	1.9%	22.8%	-13.7%	-13.7%	18.8%
S32	2.6%	0.3%	0.3%	30.4%	-23.5%	-23.5%	22.1%
M31	2.2%	1.6%	1.6%	21.9%	-16.8%	-16.8%	20.9%
M12	1.9%	1.0%	1.0%	17.4%	-16.2%	-16.2%	19.9%
S11	1.8%	1.3%	1.3%	16.9%	-10.7%	-10.7%	18.7%
L32	1.7%	-0.5%	-0.5%	30.3%	-21.0%	-21.0%	20.9%
S21	1.6%	0.2%	0.2%	23.1%	-16.7%	-16.7%	19.9%
L11	1.5%	0.3%	0.3%	20.0%	-16.8%	-16.8%	17.3%
L22	1.1%	-0.2%	-0.2%	27.0%	-16.8%	-16.8%	19.5%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.6%	1.7%	1.7%	28.4%	-8.5%	-8.5%	18.9%
MID1	1.9%	1.5%	1.5%	26.6%	-8.8%	-8.8%	17.4%
LOW1	1.8%	1.2%	1.2%	16.0%	-14.5%	-14.5%	17.0%
INDEX							
VNINDEX	2.4%	1.8%	1.8%	18.1%	-18.6%	-18.6%	16.8%
VN30INDEX	2.1%	1.5%	1.5%	18.9%	-17.4%	-17.4%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	7	16	6	17	6	17
Mục tiêu	9	2	7	1	8	1	8
Rủi ro	3	1	2	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

CTI_ xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh bolinger trên.

Nhận định: CTI vừa tạo một phiên bứt phá kha mạnh trong phiên hôm nay sau khi tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng giá 19. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên cho thấy xu hướng tăng giá khá mạnh. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. CTI nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 24 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 19-20, chốt lãi tại quanh ngưỡng giá 24 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 19.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 6/5/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 6/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	24.49	-0.29%	62.60%	-20.70%	-58.38%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	31.03	0.19%	28.10%	-12.50%	-53.22%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	90.54	0.45%	20.00%	20.40%	-51.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1702.99	-0.17%	-0.60%	2.50%	33.27%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.03	0.47%	-1.70%	0.20%	3.90%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	838.00	-0.18%	0.10%	-2.50%	-6.45%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	515.75	-0.96%	-0.10%	-5.40%	5.63%		AFX
Sữa	USD /cwt	13.50	-0.95%	6.90%	3.40%	-18.03%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.50	-0.20%	-1.40%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.78	3.65%	13.20%	4.50%	-20.74%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.65	3.22%	2.80%	-8.30%	6.14%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5158.00	0.68%	-1.20%	7.50%	-16.10%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3380.00	1.11%	1.20%	4.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1484.50	0.10%	-1.30%	-1.00%	-17.39%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	610.50	0.58%	0.40%	6.40%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.70	1.15%	0.90%	-18.40%	-39.22%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 tăng 13.9% hay 3.77 USD lên 30.97 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 tăng 20.5% hay 4.17 USD lên 24.56 USD/thùng. Dầu Brent đã tăng 6 phiên liên tiếp, trong khi dầu WTI tăng 5 phiên liên tiếp.
- Giá dầu tăng trong phiên đêm qua do hy vọng sự phục hồi trong nhu cầu nhiên liệu khi Italy, Tây Ban Nha, Nigeria và Ấn Độ cùng với Ohio và các bang khác của Mỹ bắt đầu cho phép một số công nhân trở lại làm việc và mở cửa công trình xây dựng, công viên và thư viện.
- Giá dầu tiếp tục tăng sau phiên giao dịch bất chấp số liệu cho thấy tồn kho dầu thô hàng tuần của Mỹ tăng nhiều hơn dự kiến. Viện Dầu khí Mỹ cho biết tồn trữ dầu thô của Mỹ tăng 8,4 triệu thùng trong tuần trước trong khi giới phân tích dự kiến tăng 7.8 triệu thùng.
- Ngân hàng UBS của Thụy Sĩ cho biết việc nới lỏng các hạn chế sẽ giúp cân bằng nguồn cung và nhu cầu của thị trường dầu mỏ trong quý 3 và thậm chí dự đoán thiếu hụt nguồn cung vào quý 4, dự báo phục hồi vào cuối năm 2020 với dầu Brent đạt 43 USD/thùng và 55 USD/thùng vào giữa năm 2021. Morgan Stanley cho biết mức cao điểm dự cung trong thị trường toàn cầu có thể đã đạt được và tình trạng khủng hoảng lưu trữ đang giảm dần.

Giá vàng

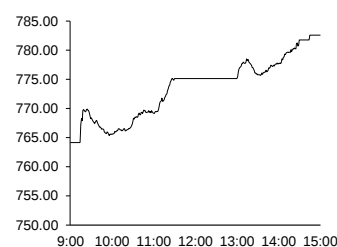
- Vàng giao ngay tăng 0.2% lên 1,705.57 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 giảm 0.2% xuống 1,710.6 USD/ounce.
- Lượng vàng nắm giữ của quỹ tín thác vàng lớn nhất thế giới SPDR Gold Trust tăng 0.4% lên 1,071.71 tấn trong ngày 4/5.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 0.38 US cent hay 3.7% lên 10.78 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 15.6 USD hay 4.6% lên 357.7 USD/tấn.
- Giá dầu tăng do hy vọng sự phục hồi trong nhu cầu nhiên liệu khi một số quốc gia Châu Âu và Châu Á cùng với một số bang của Mỹ bắt đầu nới lỏng phong tỏa. Đồng real của Brazil cũng tăng làm giảm giá trị xuất khẩu đường và cà phê dưới dạng đồng nội tệ và không khuyến khích việc bán ra
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 3.45 US cent hay 3.2% lên 1.1065 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 3 USD hay 0.3% lên 1,200 USD/tấn.
- Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) dự kiến thị trường cà phê toàn cầu chuyển thành dư thừa 1.95 triệu bao (60kg/bao) trong niên vụ 2019/20 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, trước đó đã dự báo thiếu hụt 474,000 tấn. Xuất khẩu cà phê toàn cầu giảm 3.7% trong tháng 3 so với một năm trước xuống 11.06 triệu bao.

Hình 1

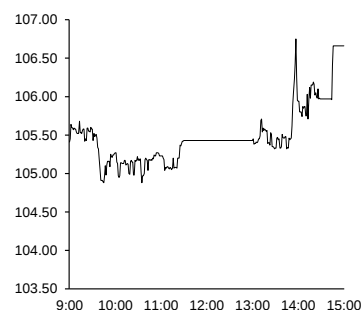
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

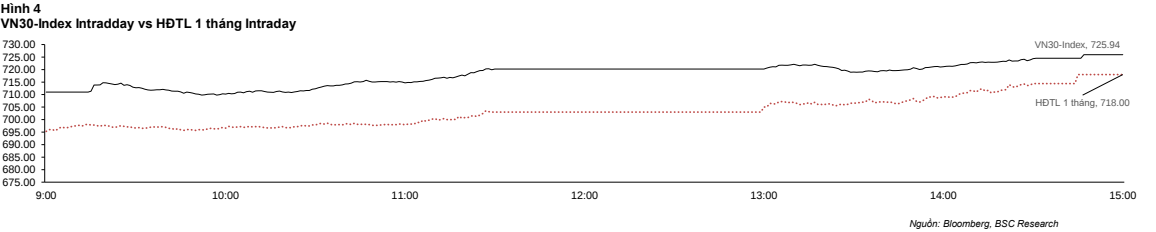
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	4.57%
Dầu khí	3.56%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.52%
Công nghệ Thông tin	3.38%
Bất động sản	3.17%
Tài nguyên Cơ bản	2.80%
Bán lẻ	2.23%
Bảo hiểm	2.19%
Thực phẩm và đồ uống	2.17%
Ô tô và phụ tùng	1.88%
Dịch vụ tài chính	1.67%
Ngân hàng	1.46%
Xây dựng và Vật liệu	1.01%
Du lịch và Giải trí	0.84%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.73%
Y tế	0.61%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.61%
Truyền thông	0.04%
Viễn thông	-9.38%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +14.93 điểm lên mức 725.94 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, HPG, VIC, FPT, và VPB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 vận động tích lũy trong phiên sáng quanh 710-715 điểm, trước khi tăng tích cực trong phiên chiều lên trên 925 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể kiểm tra kháng cự quanh 735 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2005 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2006 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2001	HSC	6/22/2020	47	10:1	393,410	642.0%	5.0 triệu	29.33%	1,700	180	63.64%	37.90	4.75
CFPT2001	HSC	6/22/2020	47	5:1	205,740	20270.3%	5.0 triệu	32.00%	1,600	470	38.24%	269.00	1.75
CHPG2004	SSI	6/15/2020	40	1:1	341,500	136.3%	5.0 triệu	32.39%	2,800	810	24.62%	496.40	1.63
CFPT2004	SSI	8/10/2020	96	1:1	41,690	101.4%	2.0 triệu	32.00%	5,100	7,360	22.06%	5,394.30	1.36
CFPT1908	MBS	6/17/2020	42	3:1	372,740	149.4%	2.4 triệu	32.00%	3,150	840	20.00%	642.20	1.31
CHPG2001	HSC	6/30/2020	55	2:1	385,550	203.1%	5.0 triệu	32.39%	1,800	600	20.00%	258.60	2.32
CFPT2003	SSI	11/9/2020	187	1:1	46,890	137.3%	2.0 triệu	32.00%	7,300	9,730	15.83%	6,970.80	1.40
CFPT2005	VND	7/1/2020	56	1:1	18,560	88.8%	1.0 triệu	32.00%	2,900	6,880	12.23%	5,211.70	1.32
CDPM2002	KIS	12/16/2020	224	1:1	20,040	-13.2%	2.0 triệu	37.33%	1,700	2,440	9.91%	1,274.90	1.91
CMBB2004	VND	7/1/2020	56	1:1	137,040	-2.5%	2.0 triệu	32.50%	1,100	1,480	9.63%	450.20	3.29
CVHM2001	KIS	12/16/2020	224	5:1	230,030	74.6%	2.0 triệu	32.97%	3,100	1,150	7.48%	216.30	5.32
CHPG2005	VND	10/1/2020	148	1:1	464,800	386.5%	2.0 triệu	32.39%	2,100	5,700	6.34%	4,023.90	1.42
CREE2002	VND	7/1/2020	56	1:1	104,000	48.2%	1.5 triệu	29.36%	1,800	2,270	5.58%	844.40	2.69
CMWG2005	VND	10/1/2020	148	2:1	61,490	3.0%	1.0 triệu	38.31%	2,500	7,200	5.26%	2,281.40	3.16
CMSN2001	KIS	12/16/2020	224	5:1	123,060	68.4%	2.0 triệu	32.42%	2,300	1,750	4.79%	729.80	2.40
CVPB2001	HSC	6/22/2020	47	2:1	214,960	120.4%	5.0 triệu	40.26%	1,500	980	4.26%	861.00	1.14
CVRE2003	KIS	12/16/2020	224	2:1	135,920	19.9%	3.0 triệu	39.33%	3,000	870	3.57%	227.90	3.82
CREE1905	MBS	6/17/2020	42	3:1	176,700	227.9%	2.4 triệu	29.36%	2,150	320	3.23%	32.90	9.73
CSTB2002	KIS	12/16/2020	224	1:1	59,620	-31.6%	3.0 triệu	37.38%	1,700	1,150	2.68%	360.50	3.19
CVRE2001	KIS	9/21/2020	138	3:1	362,170	-35.0%	8.0 triệu	39.33%	1,500	170	0.00%	50.20	3.39
Tổng:					3,895,910		61.30 triệu	33.75%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 06/05/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CFPT2004 và CFPT2003 tăng mạnh lần lượt là 22.06% và 15.83%. Giá trị giao dịch tăng hơn hai lần phiên liền trước. CHPG2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 39.02% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG2005 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	22.20	3.74	1.74
VHM	67.00	5.35	1.73
VIC	95.00	2.48	1.45
FPT	52.90	3.93	1.43
VPB	20.85	2.46	1.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	21.4	-1.15	-0.22
EIB	15.0	0.00	0.00
ROS	3.6	0.56	0.01
SBT	14.3	0.71	0.04
REE	30.4	1.33	0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2001	137,000	120,000	101,500
CFPT2001	64,000	56,000	52,900
CHPG2004	26,300	23,500	22,200
CFPT2004	55,100	50,000	52,900
CFPT1908	63,450	54,000	52,900
CHPG2001	27,600	24,000	22,200
CFPT2003	57,300	50,000	52,900
CFPT2005	51,900	49,000	52,900
CDPM2002	16,952	15,252	13,950
CMBB2004	18,100	17,000	15,950
CVHM2001	110,067	94,567	67,000
CHPG2005	21,100	19,000	22,200
CREE2002	33,800	32,000	30,400
CMWG2005	97,000	92,000	81,200
CMSN2001	77,289	65,789	58,000
CVPB2001	23,000	20,000	20,850
CVRE2003	43,999	37,999	25,000
CREE1905	39,124	32,977	30,400
CSTB2002	13,588	11,888	9,140
CVRE2001	42,789	36,789	25,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	81.2	2.4%	1.2	1,599	3.0	8,808	9.2	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	56.5	0.9%	1.3	553	2.3	5,248	10.8	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	46.5	3.3%	1.4	1,501	1.2	1,168	39.8	1.8	28.7%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.0%	0.6	308	0.0	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	95.0	2.5%	0.9	13,971	3.2	2,095	45.3	4.0	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.0	6.2%	1.1	2,470	5.5	1,226	20.4	2.1	31.3%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.0	0.4%	0.8	2,234	2.9	3,584	14.8	2.3	6.0%	16.3%
REE	Bất động sản	30.4	1.3%	0.9	410	0.3	4,976	6.1	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	9.5	1.1%	1.5	214	0.8	2,289	4.2	0.7	39.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	13.0	2.4%	1.3	338	0.9	1,415	9.2	0.7	51.1%	7.8%
VCI	Chứng khoán	18.4	-0.5%	1.0	131	0.1	4,240	4.3	0.7	33.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.4	3.1%	1.8	218	1.1	1,480	11.1	1.1	54.8%	12.0%
FPT	Công nghệ	52.9	3.9%	0.8	1,568	7.9	4,804	11.0	2.4	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.5	-0.8%	0.4	525	0.0	4,812	10.1	2.6	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	68.6	4.7%	1.4	5,709	4.5	5,820	11.8	2.6	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	42.0	3.8%	1.5	2,172	3.1	869	48.3	2.7	13.1%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.1	2.5%	1.6	251	3.0	1,777	6.8	0.5	14.3%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.0	0.0%	0.8	809	1.3	898	6.7	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	95.1	1.4%	0.5	541	0.2	5,046	18.8	3.5	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.0	4.1%	0.6	237	1.1	1,006	13.9	0.7	15.0%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.1	0.6%	0.6	186	0.4	415	19.5	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	67.6	1.2%	1.2	10,901	2.5	4,848	13.9	3.0	23.5%	22.8%
BID	Ngân hàng	36.0	2.0%	1.5	6,295	1.1	2,140	16.8	1.9	17.8%	12.0%
CTG	Ngân hàng	20.2	1.8%	1.2	3,270	6.0	2,510	8.0	1.0	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	20.9	2.5%	1.2	2,210	2.4	3,750	5.6	1.1	22.8%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.0	0.9%	1.1	1,672	2.6	3,398	4.7	0.9	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	20.8	2.5%	1.0	1,504	4.0	3,780	5.5	1.2	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	44.4	-1.4%	0.9	158	0.3	5,303	8.4	1.4	79.1%	17.0%
NTP	Nhựa	32.8	0.0%	0.4	140	0.0	4,208	7.8	1.3	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	-0.7%	0.6	641	0.0	356	41.9	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	22.2	3.7%	1.1	2,665	7.3	2,764	8.0	1.2	36.7%	17.4%
HSG	Thép	8.1	5.5%	1.6	157	3.4	1,491	5.4	0.6	17.4%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	101.5	1.0%	0.7	7,685	4.8	5,453	18.6	5.9	58.4%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	158.0	4.2%	0.8	4,405	0.6	6,719	23.5	5.9	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	58.0	2.8%	1.0	2,948	2.5	3,961	14.6	1.6	36.0%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.3	0.7%	0.8	364	1.3	141	101.3	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	56.9	-0.2%	0.8	5,386	1.2	3,450	16.5	3.4	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	112.1	0.5%	1.1	2,553	2.0	7,889	14.2	3.8	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	26.4	1.5%	1.7	1,628	0.9	1,654	16.0	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	18.0	0.0%	1.0	232	0.3	1,583	11.4	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	10.0	2.6%	1.0	122	0.7	2,117	4.7	0.6	26.0%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.6	1.0%	1.1	429	0.8	9,201	6.7	2.9	2.5%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.3	0.0%	0.8	337	0.3	1,453	11.9	1.2	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.4	3.5%	1.0	221	0.1	1,938	6.9	0.9	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	65.2	6.9%	1.2	216	1.0	8,032	8.1	0.6	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.4	0.0%	0.5	488	0.0	1,548	16.4	1.7	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.4	0.0%	0.4	209	0.8	1,775	10.9	0.9	45.6%	8.5%
POW	Điện	10.0	3.0%	0.6	1,013	1.7	1,028	9.7	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	20.2	1.3%	0.6	253	0.2	2,543	7.9	1.4	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	67.00	5.35	3.25	4.29MLN
VIC	95.00	2.48	2.22	773570.00
GAS	68.60	4.73	1.69	1.54MLN
SAB	158.00	4.15	1.15	86530.00
VRE	25.00	6.16	0.96	5.20MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HDB	0.00	-0.07	393860.00	1.11MLN
KBC	0.00	-0.03	1.77MLN	607060.00
THI	-0.01	-0.03	300.00	373600.00
PGI	-0.01	-0.03	370.00	192700.00
DTL	-0.01	-0.02	20.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	32.10	7.00	0.02	4100.00
VMD	21.40	7.00	0.01	30.00
NHH	45.90	6.99	0.03	237560.00
PAN	24.50	6.99	0.10	170190.00
QCG	7.81	6.99	0.04	757220.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HCD	3.60	-6.98	0.00	1.72MLN
LAF	8.00	-6.98	0.00	700.00
UIC	38.95	-6.93	-0.01	106270.00
CMV	12.10	-6.92	0.00	10.00
DTL	16.85	-6.91	-0.02	20.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.80	2.46	0.81	4.45MLN
SHB	15.50	1.97	0.40	2.73MLN
PVS	12.10	2.54	0.07	5.66MLN
DGC	29.20	1.74	0.04	181300.00
SHS	8.10	2.53	0.03	1.32MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DL1	18.00	-9.55	-0.09	300.00
NVB	7.80	-1.27	-0.04	991100.00
DNP	16.30	-4.12	-0.04	1400.00
SHN	7.20	-4.00	-0.04	8400.00
KLF	1.80	-10.00	-0.03	15.15MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

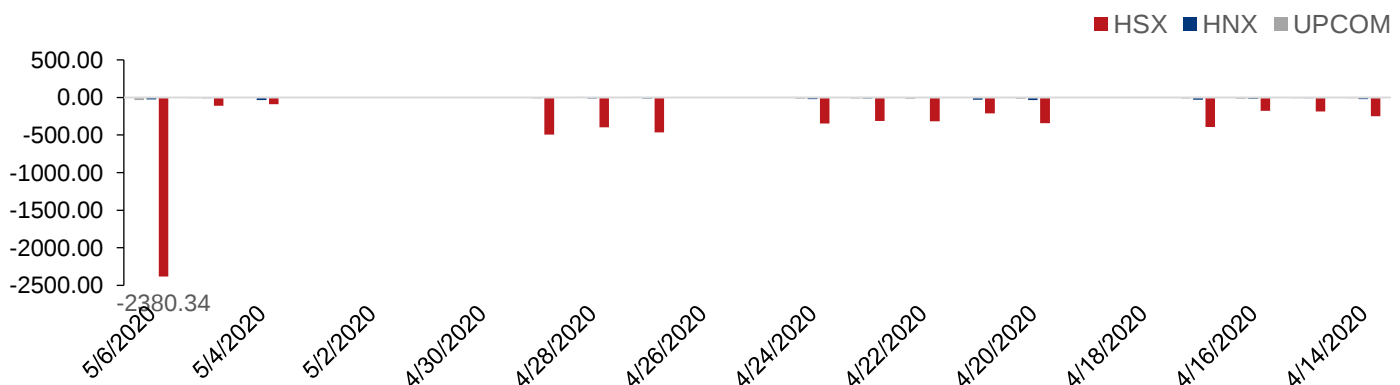
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.50	25.0	0.00	124300.00
SDA	2.20	10.0	0.01	6500.00
VC9	11.00	10.0	0.01	100.00
VNT	55.60	9.9	0.01	15400.00
TTT	36.70	9.9	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.60	-14.29	0.00	200700.00
HKB	0.70	-12.50	0.00	341100.00
MEC	0.80	-11.11	0.00	600.00
PVX	0.80	-11.11	-0.02	5.39MLN
KLF	1.80	-10.00	-0.03	15.15MLN

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	44.9	3,887	11.6	2.3	Click
2	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	52.9	4,804	11.0	2.4	Click
3	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.0	1,583	11.4	0.9	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.8	3,780	5.5	1.2	Click
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.7	1,880	6.8	0.6	Click
6	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	158.0	6,719	23.5	5.9	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.0	1,782	11.8	1.5	Click
8	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	101.5	5,453	18.6	5.9	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.0	1,781	6.7	0.7	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	81.2	8,808	9.2	2.8	Click
11	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	30.0	6,553	4.6	1.1	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	52.9	4,804	11.0	2.4	Click
13	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	20.0	2,282	8.8	1.4	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.9	4,465	6.0	1.2	Click
15	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	95.1	5,046	18.8	3.5	Click
16	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.7	4,313	5.3	1.1	Click
17	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	56.5	5,248	10.8	2.6	Click
18	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.0	2,117	4.7	0.6	Click
19	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	166.6	14,782	11.3	4.6	Click
20	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.7	0	13.8	0.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express VHC 2020Q2	20/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI Kế hoạch kinh doanh 2020 (2 kịch bản) Đối với kịch bản tích cực, doanh thu và LNST đạt 8,600 tỷ (+9.3% YoY) và 1,063 tỷ (-9.8% YoY). Đối với kịch bản tiêu cực, doanh thu và LNST đạt 6,450 tỷ (-18% YoY) và 800 tỷ (-32.1% YoY). VHC kỳ vọng sản lượng +15%, ASP giảm làm tổng DT +10% Capex 2020: dự kiến 580 tỷ; Trại cá giống + Mở rộng Collagen (T8.20) + NM dầu cá (205 tỷ); kho lạnh Vĩnh Phước (160 tỷ), xây/cải tạo vùng nuôi (30 tỷ). Bối cảnh chung 2020 tiếp tục là một năm ngành cá tra điều chỉnh sau 2 năm (2017 – 2018) tăng nóng: sản lượng tăng và ASP trung bình năm giảm (1H: ASP thấp; 2H: ASP cải thiện). Tỷ giá có thể biến động ko ổn định trong 2020.
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài, ... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
Express FPT 2020Q2	8/4/2020	Khuyến nghị MUA Kế hoạch kinh doanh 2020 FPT đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 32,450 tỷ đồng (+17% YoY) và 5,510 tỷ đồng (+18% YoY). Liên quan đến nCoV: (1) Cắt giảm chi phí sản xuất (giảm đầu tư ngắn hạn, các chi phí không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh); duy trì các chi phí tạo ra doanh số, hợp đồng trực tiếp. Hiện tại, giá bán của FPT đang tiệm cận các đối thủ khác, việc cắt giảm chi phí đúng lúc sẽ tạo ra thể mạnh cho FPT; (2) Đặt ra các tình huống khác nhau (các kịch bản kinh doanh khác nhau) tùy theo tình hình dịch bệnh và bám sát hoạt động kinh doanh theo quý, nhưng xác suất điều chỉnh kịch bản kinh doanh 2020 là khá cao. Hiện tại, KHKD Q2 phải giảm 15% so với KHKD ban đầu (dự kiến tuy không suy giảm nhưng ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ); (3) Thay đổi cách thức bán hàng từ offline sang online: Xuất khẩu phần mềm: call conference đến các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp thay vì gặp mặt trực tiếp, Viễn thông: đẩy mạnh bán hàng online, kênh xã hội thay vì door – to – door, Giáo dục: Cung cấp hình thức dạy trực tuyến, Chuyển đổi công nghệ số từ offline sang online là thay đổi lớn nhất; (4) Tăng cường thu hồi công nợ từ các khoản nợ khó đòi.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fw = 18.1x, PB fw = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quý.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn